

Tác động của cấu trúc nguồn vốn tới tỷ suất sinh lợi của tài sản của các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam

NGUYỄN THỊ BÌNH YẾN*

Tóm tắt

Bài viết nghiên cứu về tác động của cấu trúc nguồn vốn trong các ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) ở Việt Nam bao gồm: Các khoản nợ phải trả (Các khoản nợ chính phủ và ngân hàng nhà nước; Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác; Tiền gửi của khách hàng; Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác; Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro; Phát hành giấy tờ có giá; Các khoản nợ khác) và vốn chủ sở hữu tới tỷ suất sinh lợi của tài sản của các NHTMCP tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, cấu trúc nguồn vốn có tác động đáng kể đến tỷ suất sinh lợi của tài sản của các NHTMCP. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra một số khuyến nghị, nhằm tăng tỷ suất sinh lợi của tài sản của các NHTMCP tại Việt Nam.

Từ khóa: tỷ suất sinh lợi của tài sản, cấu trúc nguồn vốn, ngân hàng thương mại cổ phần, vốn chủ sở hữu

Summary

The article studies the impact of capital structure in joint stock commercial banks in Vietnam, including: Liabilities (Government and State Bank debts; Deposits and loans from other credit institutions; Customer deposits; Derivative financial instruments and other financial liabilities; Funding capital, investment trusts, loans to credit institutions at risk; Issuance of valuable papers; Other debts) and owners' equity on the return on assets of joint stock commercial banks in Vietnam. The research results show that the capital structure significantly impact the profitability of assets of joint stock commercial banks. From the research results, the author makes several recommendations to increase the profitability of assets of joint stock commercial banks in Vietnam.

Keywords: return on assets, capital structure, joint stock commercial banks, owners' equity

GIỚI THIỆU

Tác động của cấu trúc nguồn vốn tới tỷ suất sinh lợi của tài sản (ROA - Return on Assets) của các NHTMCP tại Việt Nam là một đề tài được nhiều nhà nghiên cứu và chuyên gia kinh tế quan tâm, vì cấu trúc nguồn vốn ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tạo lợi nhuận và rủi ro tài chính của ngân hàng. Do đó, việc tìm hiểu về tỷ suất sinh lợi của tài sản, cũng như xác định các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ suất sinh lợi của tài sản của các NHTMCP Việt Nam là rất cần thiết, để trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp, nhằm tăng tỷ suất sinh lợi của tài sản của các NHTMCP.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Musah (2018) nghiên cứu đánh giá cấu trúc vốn và tác động của nó đối với lợi nhuận kinh doanh

bằng cách sử dụng dữ liệu giai đoạn 1995-2011 và 237 công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Malaysia. 4 chỉ số phản ánh khả năng sinh lợi (tỷ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu - ROE, ROA, Tobins Q, EPS) và 5 thước đo cấu trúc vốn đã được sử dụng trong nghiên cứu này. Tác giả phát hiện ra mối liên hệ tiêu cực giữa cấu trúc vốn và khả năng sinh lợi trên tất cả các ngành. Còn Berger (1995) cho rằng, các ngân hàng trong cuộc khủng hoảng tiết kiệm và cho vay cuối những năm 1980 đã có thể cải thiện khả năng sinh lợi bằng cách tăng tỷ lệ vốn của họ. Nghiên cứu nhận thấy rằng, điều này đúng đối với các ngân hàng có rủi ro danh mục đầu tư cao. Các tác giả tiếp tục tìm thấy mối quan hệ tiêu cực mạnh mẽ đối với các ngân hàng có vốn cao so với tỷ lệ vốn mục tiêu dài hạn của họ.

Lâm Chí Dũng, Võ Hoàng Diễm Trinh (2020) cho rằng, tỷ lệ sở hữu nhà nước càng cao, thì khả năng sinh lợi càng thấp, trong khi đó, tỷ lệ sở hữu ngoài nhà nước càng cao, thì khả năng sinh lợi càng cao.

* TS., Trường Đại học Mở Hà Nội

Ngày nhận bài: 06/11/2024; Ngày phản biện: 30/11/2024; Ngày duyệt đăng: 11/12/2024

¹ Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi đề tài cấp Trường Đại học Mở Hà Nội, mã số MHN2024-02.38.

Đối với sở hữu nước ngoài, kết quả hồi quy từ các mô hình đều không có ý nghĩa thống kê.

Mô hình nghiên cứu

Khảo lược các lý thuyết liên quan, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như Hình 1.

Phương trình hồi quy được thể hiện như sau:

$$ROA = \beta_0 + \beta_1 x AOE + \beta_2 x DOE + \beta_3 x LOE + \beta_4 x SOE + \beta_5 x CRR + \beta_6 x COSR + \beta_7 x IFN + \beta_8 x GROWTH + \beta_9 x IOC + e$$

β_0 : là hằng số của mô hình;

$\beta_1 - \beta_9$: là hệ số hồi quy;

e : là số nhiễu, phần dư của phương trình hồi quy.

Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu tác động của cấu trúc nguồn vốn tới tỷ suất sinh lợi của tài sản của các NHTMCP tại Việt Nam, tác giả sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Về nghiên cứu định tính, đề tài sử dụng phương pháp hồi cứu tài liệu để thu thập, tổng hợp và hệ thống hóa các vấn đề lý luận về cấu trúc nguồn vốn và tỷ suất sinh lợi của tài sản của NHTMCP; các chỉ tiêu phản ánh cấu trúc nguồn vốn và tỷ suất sinh lợi của tài sản của NHTMCP; tác động của cấu trúc nguồn vốn và tỷ suất sinh lợi của tài sản của NHTMCP tại Việt Nam. Về nghiên cứu định lượng, tác giả thu thập số liệu nghiên cứu từ các báo cáo tài chính (BCTC) đã được kiểm toán vào thời điểm cuối năm của 20 NHTMCP ở Việt Nam niêm yết trên thị trường chứng khoán (trong đó có 18 ngân hàng niêm yết trên sàn HOSE và 2 ngân hàng niêm yết trên sàn HNX) trong giai đoạn 2013-2022. Từ dữ liệu thu thập được, tác giả sử dụng phần mềm STATA17, để thực hiện ước lượng và kiểm định hệ số hồi quy các biến trong mô hình (Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế).

Để thể hiện tác động của cấu trúc nguồn vốn tới tỷ suất sinh lợi của tài sản của các NHTMCP tại Việt Nam, tác giả phân tích các chỉ tiêu như Bảng 1.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

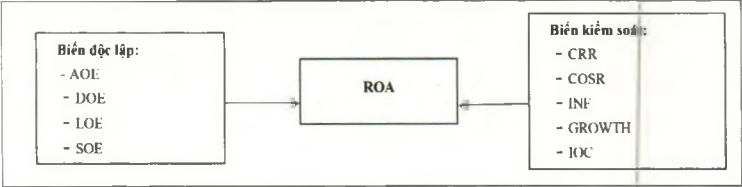
Kết quả nghiên cứu

Chỉ tiêu ROA trong các NHTMCP thể hiện mức lợi nhuận các ngân hàng đạt được trên một đơn vị tài sản mà họ đã đầu tư. Đây là chỉ tiêu cơ bản phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản của NHTMCP. Từ số liệu về thu nhập lãi thuần và tổng tài sản có sinh lời bình quân của 20 NHTMCP tại Việt Nam, tác giả đã tính được ROA như Bảng 2.

Qua Bảng 2 và Hình 2 cho thấy, trong giai đoạn nghiên cứu, tỷ suất sinh lời của tài sản của các NHTMCP giảm dần đều từ năm 2013 đến năm 2015 và năm 2020; nhưng tăng dần lên từ năm 2016 đến năm 2019 và từ năm 2021 đến năm 2022. Nhìn chung trong cả giai đoạn 2013-2022, chỉ tiêu này của các NHTMCP tương đối thấp. Điều này phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản của các NHTMCP còn thấp.

Cũng từ số liệu thứ cấp trên BCTC, nhóm tác giả nhập vào phần mềm Excel để tính ra các biến trong

HÌNH 1: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT



Nguồn: Đề xuất của tác giả

BẢNG 1: TÊN BIẾN VÀ CÁC CHỈ TIÊU PHẢN ÁNH MỐI QUAN HỆ GIỮA CẤU TRÚC NGUỒN VỐN VÀ TỶ SUẤT SINH LỢI CỦA TÀI SẢN

Tên biến	Công thức	Tham khảo
Biến phụ thuộc: Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên		
ROA	$ROA = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế} \times 100\%}{\text{Tổng tài sản}}$	ROA cho biết khả năng sinh lợi của tổng tài sản của các NHTMCP. ROA sẽ cung cấp cho nhà đầu tư thông tin về các khoản lợi nhuận được tạo ra từ lượng vốn đầu tư, tức là cứ một đồng đầu tư vào tổng tài sản, thì tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận.
Biến độc lập: Cấu trúc nguồn vốn		
AOE	$Vốn\ chủ\ sở\ hữu \times 100\% / \text{Tổng tài sản}$	Đây là chỉ tiêu phản ánh mức độ tài trợ tài sản bằng vốn chủ sở hữu. Trị số của chỉ tiêu càng cao, thì các ngân hàng càng có khả năng tự chủ về tài chính và mức độ rủi ro của các ngân hàng càng thấp.
DOE	$Vốn\ chủ\ sở\ hữu \times 100\% / \text{Tổng nợ}$	Đây là chỉ tiêu phản ánh lượng vốn chủ sở hữu, mà các NHTMCP có chiếm tỷ lệ bao nhiêu so với tổng số nợ của các NHTMCP, hay có thể nói lên việc một đồng nợ của ngân hàng được đảm bảo bằng bao nhiêu đồng vốn chủ sở hữu.
LOE	$Vốn\ chủ\ sở\ hữu / \text{Dư nợ cho vay}$	Chỉ tiêu này phản ánh tỷ lệ của vốn chủ sở hữu so với tổng số tiền mà các ngân hàng đem cho vay. Cho vay là nguồn thu lớn nhất của bất kỳ một NHTMCP nào, vì thế Vốn chủ sở hữu/Dư nợ cho vay sẽ chỉ ra việc vốn chủ sở hữu đã được các ngân hàng đẩy ra như một khoản cho vay như thế nào. Hơn nữa, tỷ lệ này cũng nhằm cho biết mức độ thận trọng của các NHTMCP trong việc cho vay.
SOE	$Vốn\ chủ\ sở\ hữu / \text{Tổng tiền gửi của khách hàng và tài trợ ngắn hạn}$	Chỉ tiêu này cho biết trong tổng tiền gửi của khách và các khoản tài trợ ngắn hạn, thì vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng là bao nhiêu. Vốn chủ sở hữu góp phần bảo vệ lợi ích của người gửi tiền: kinh doanh ngân hàng gắn liền với rất nhiều rủi ro, khi đó, các khoản tồn thất của ngân hàng sẽ được bù đắp bằng vốn chủ sở hữu. Các nhà nghiên cứu quan sát thấy hầu hết các NHTMCP đều đang tài trợ tài sản bằng tiền gửi.
Biến kiểm soát		
CRR	$\text{Dự phòng rủi ro tín dụng năm nay} \times 100\% / \text{Tổng dư nợ tín dụng năm trước}$	
COSR	$\text{Chi phí hoạt động} \times 100\% / \text{Tổng tài sản}$	
IFN	Tỷ lệ lạm phát	
GROWTH	Mức tăng tổng tài sản	
IOC	$\text{Tổng chi phí} \times 100\% / \text{Tổng thu nhập}$	

Nguồn: Tổng hợp từ dữ liệu nghiên cứu của tác giả

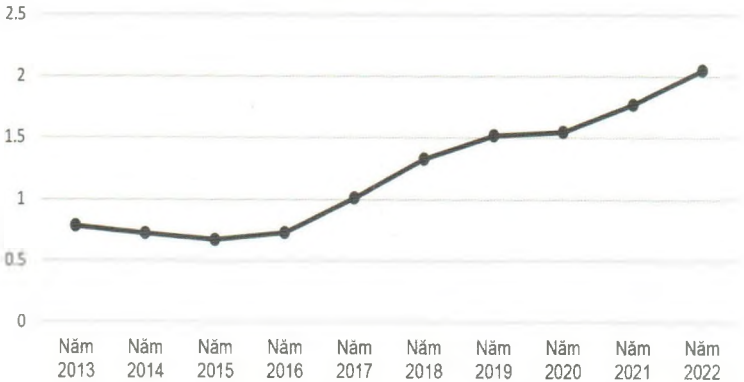
mô hình nghiên cứu. Tiếp theo, số liệu trong mô hình được xử lý trên phần mềm Stata17 theo phương pháp hồi quy dữ liệu bảng. Với 20 NHTMCP tại Việt Nam trong chuỗi thời gian là 10 năm, từ năm 2013 đến năm 2022, đã tạo được bảng dữ liệu từ 2 thành phần là dữ liệu chéo và dữ liệu theo chuỗi thời gian bao gồm 200 quan sát. Tác giả thực hiện xử lý số liệu và thu được kết quả như Bảng 3.

BẢNG 2: GIÁ TRỊ ROA CỦA CÁC NHTMCP TRONG GIAI ĐOẠN 2013-2022

STT	Mã ngân hàng	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	ACB	0.622	0.677	0.652	0.713	0.934	1.940	1.960	2.159	2.273	2.815
2	BAB	0.503	0.611	0.713	0.825	0.809	0.868	0.866	0.627	0.758	0.807
3	BID	0.965	0.968	0.934	0.762	0.721	0.721	0.720	0.595	0.769	1.081
4	CTG	1.345	1.105	0.942	0.891	0.841	0.563	0.950	1.276	1.148	1.158
5	EIB	0.487	0.043	0.049	0.303	0.681	0.542	0.654	0.835	0.727	2.004
6	HDB	0.279	0.625	0.740	0.764	1.276	1.854	2.187	1.823	2.154	2.467
7	LPB	0.835	0.531	0.392	0.950	1.082	0.693	1.009	1.001	1.258	1.736
8	MBB	1.675	1.583	1.457	1.425	1.471	2.144	2.439	2.159	2.722	3.120
9	MSB	0.375	0.155	0.152	0.177	0.146	0.764	0.820	1.428	2.498	2.720
10	NAB	0.637	0.650	0.712	0.106	0.553	0.990	0.976	0.749	1.174	1.277
11	NVB	0.082	0.026	0.015	0.020	0.043	0.121	0.068	0.004	0.003	0.001
12	OCB	0.979	0.720	0.541	0.758	1.212	2.203	2.735	2.897	2.991	2.263
13	SHB	0.696	0.599	0.497	0.494	0.673	0.648	0.829	0.792	1.236	1.759
14	SSB	0.251	0.137	0.138	0.141	0.305	0.443	0.884	0.959	1.544	2.190
15	STB	1.835	1.489	0.301	0.047	0.405	0.553	0.709	0.678	0.844	1.071
16	TCB	0.553	0.806	1.061	1.698	2.983	3.321	3.346	3.594	4.086	3.658
17	TPB	1.189	1.041	0.821	0.668	0.971	1.658	2.352	2.127	2.062	2.382
18	VCB	1.225	1.013	1.012	1.082	1.095	1.701	1.891	1.738	1.936	2.030
19	VIB	0.105	0.804	0.777	0.672	1.141	1.971	2.212	2.372	2.588	3.087
20	VPB	1.117	0.985	1.597	2.155	2.927	2.845	2.737	3.107	2.624	3.363
Mean		0.788	0.728	0.675	0.733	1.014	1.327	1.517	1.546	1.770	2.049

Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu BCTC niêm yết của các NHTMCP nghiên cứu

HÌNH 2: GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH ROA CỦA CÁC NHTMCP TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2013-2022



Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu BCTC niêm yết của các NHTMCP

Kết quả nghiên cứu thực nghiệm bằng phương pháp phân tích hồi quy về mối quan hệ giữa cấu trúc nguồn vốn với tỷ suất sinh lợi của tài sản của các NHTMCP tại Việt Nam cho thấy, ROA của các NHTMCP tại Việt Nam chịu tác động bởi 6 nhân tố có ý nghĩa thống kê. Theo FEM được chấp nhận sau kiểm định Hausman và tiếp tục được kiểm định lại bằng GLS, nghiên cứu có kết quả với phương trình hồi quy như sau:

$$ROA = 0.424 * AOE - 0.0687 * LOE - 0.125 * CRR + 0.258 * COSR + 0.0427 * IFN - 0.0471 * IOC + 4.086$$

Thảo luận

Kết quả nghiên cứu thực nghiệm bằng phương pháp phân tích hồi quy về mối quan hệ giữa cấu

trúc nguồn vốn tới ROA của 20 NHTMCP tại Việt Nam giai đoạn 2013-2022 cho thấy, ROA của các NHTMCP tại Việt Nam chịu tác động bởi 6 nhân tố có ý nghĩa thống kê như sau.

Một là, AOE có tác động cùng chiều tới ROA và cho biết, nếu các yếu tố khác không đổi, thì tỷ lệ AOE tăng một đơn vị sẽ làm cho ROA tăng 0,424 đơn vị và ngược lại. Điều này có nghĩa là, đối với các NHTMCP tại Việt Nam, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu nhanh hơn so với tốc độ tăng của tổng tài sản, thì sẽ làm cho tỷ suất lợi nhuận trên tài sản tăng.

Hai là, LOE có tác động ngược chiều tới ROA và cho biết, nếu các yếu tố khác không đổi, thì tỷ lệ LOE tăng một đơn vị sẽ làm cho ROA giảm 0,0687 đơn vị và ngược lại. Nghĩa là, các NHTMCP tại Việt Nam có tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên dư nợ cho vay càng lớn, thì tỷ suất lợi nhuận trên tài sản càng nhỏ.

Ba là, CRR có tác động ngược chiều tới ROA và cho biết, nếu các yếu tố khác không đổi, thì tỷ lệ CRR tăng một đơn vị sẽ làm cho ROA giảm 0,125 đơn vị và ngược lại. Nghĩa là, tỷ lệ rủi ro tín dụng trên tổng dư nợ càng tăng, thì tỷ suất lợi nhuận trên tài sản sẽ giảm.

Bốn là, COSR có tác động cùng chiều tới ROA và cho biết, nếu các yếu tố khác không đổi, thì tỷ lệ COSR tăng một đơn vị sẽ làm cho ROA tăng 0,258 đơn vị và ngược lại. Nghĩa là, tỷ lệ chi phí hoạt động trên tài sản càng lớn, thì tỷ suất lợi nhuận trên tài sản sẽ tăng; hay chính là chi phí hoạt động càng cao, thì lợi nhuận càng tăng. Việc tăng những chi phí này sẽ giúp cho thu nhập của NHTMCP tăng thêm và sẽ làm cho lợi nhuận của các ngân hàng tăng.

Năm là, IFN có tác động cùng chiều tới ROA và cho biết, nếu các yếu tố khác không đổi, thì tỷ lệ IFN tăng một đơn vị sẽ làm cho ROA tăng 0,0427 đơn vị và ngược lại. Nghĩa là, tỷ lệ lạm phát càng lớn, thì tỷ suất lợi nhuận trên tài sản sẽ tăng.

Sáu là, IOC có tác động ngược chiều tới ROA và cho biết, nếu các yếu tố khác không đổi, thì tỷ lệ IOC tăng một đơn vị sẽ làm cho ROA giảm 0,0471 đơn vị và ngược lại. Nghĩa là, tỷ lệ chi phí trên thu nhập càng lớn, thì tỷ suất lợi nhuận trên tài sản sẽ nhỏ. Như vậy, tỷ lệ chi phí trên thu nhập có ảnh hưởng trực tiếp lên lợi nhuận của ngân hàng. Do đó, ngân hàng nào có kế hoạch tiết kiệm chi phí phù hợp sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, cấu trúc nguồn vốn có tác động đáng kể đến tỷ suất sinh lợi của tài sản của các NHTMCP tại Việt Nam. Cấu trúc nguồn vốn là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, khả năng sinh lợi và rủi ro tài chính của doanh nghiệp nói chung, các ngân hàng nói riêng. Việc tối ưu hóa cấu trúc nguồn vốn yêu cầu các ngân hàng thương mại cân nhắc kỹ lưỡng giữa sử dụng vốn chủ

sở hữu và vốn vay, dựa trên điều kiện thị trường, mục tiêu kinh doanh và mức độ chấp nhận rủi ro.

Khuyến nghị

Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một vài khuyến nghị xây dựng cấu trúc nguồn vốn phù hợp, nhằm tăng tỷ suất sinh lợi của tài sản của các NHTMCP tại Việt Nam như sau:

Tăng quy mô vốn chủ sở hữu

Các NHTMCP cần tăng tỷ lệ vốn chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn của ngân hàng. Mặc dù vậy, việc tăng vốn chủ sở hữu cần tránh tình trạng sở hữu chéo giữa các ngân hàng, để mức vốn chủ sở hữu thực của các ngân hàng đủ lớn, nhằm đảm bảo an toàn cho hệ thống ngân hàng.

Tăng quy mô cho vay

Biến độc lập LOE có tác động ngược chiều với tỷ suất sinh lợi của tài sản chỉ ra rằng, việc tăng vốn chủ sở hữu phải gắn liền với tăng quy mô cho vay và tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu phải nhỏ hơn tốc độ tăng của dư nợ cho vay. Việc tăng quy mô cho vay giúp ngân hàng tăng doanh thu và lợi nhuận, từ đó cải thiện sức khỏe tài chính và khả năng cạnh tranh. Ngân hàng có thể sử dụng các nền tảng cho vay trực tuyến, ứng dụng di động và các công nghệ dữ liệu lớn (Big data) để cải thiện quy trình cho vay, từ đó mở rộng quy mô cho vay một cách an toàn và hiệu quả.

Một số khuyến nghị khác

Tăng cường năng lực tài chính: Năng lực tài chính của một NHTMCP được thể hiện ở: Quy mô vốn tự có; Chất lượng tài sản có; Khả năng sinh lời gắn liền với chất lượng và hiệu quả sử dụng tài sản; Khả năng tồn tại và phát triển an toàn, không dễ xảy ra đổ vỡ hay phá sản. Trong giai đoạn nghiên cứu 2013-2022, các NHTMCP đã dần tăng quy mô vốn tự có. Tuy nhiên, thời gian sắp tới, các NHTMCP tại Việt Nam không những cần coi trọng tăng quy mô vốn, mà còn phải quan tâm đến tăng các tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn Basel II, nhằm tăng tỷ lệ thu nhập lãi cận biên của các tài sản. Đây mới là chiến lược

BẢNG 3: KẾT QUẢ 4 MÔ HÌNH (POOL, FEM, REM, GLS) GIỮA BIẾN PHỤ THUỘC ROA VỚI CÁC BIẾN KHÁC TRONG PHƯƠNG TRÌNH

COSR	0.371*** [5.70]	0.0766 [0.69]	0.192** [2.46]	0.258*** [3.89]
INF	0.0539*** [2.80]	0.0615*** [3.59]	0.0491*** [2.87]	0.0427*** [3.48]
GROWTH	0.00291 [1.19]	0.00545** [2.24]	0.00586** [2.51]	0.00162 [0.89]
IOC	-0.0655*** [-18.17]	-0.0514*** [-10.73]	-0.0550*** [-14.39]	-0.0471*** [-14.66]
AOE		-0.241 [-0.85]	-0.0621 [-0.24]	0.424* [1.65]
DOE		0.204 [0.86]	0.0465 [0.21]	-0.176 [-0.79]
LOE		-0.0463* [-1.80]	-0.0543** [-2.52]	-0.0687*** [-3.11]
SOE		0.0939 [1.57]	0.129** [2.27]	-0.00974 [-0.19]
cons	5.800*** [10.88]	4.011*** [4.96]	5.099*** [7.39]	4.086*** [6.78]
N	200	200	200	200
R-sq	0.818	0.801		

t statistics in brackets * p < 0.1, ** p < 0.05, *** p < 0.01

Nguồn: Tác giả tính toán từ phần mềm Stata17

tăng năng lực tài chính lâu dài của các NHTMCP tại Việt Nam.

Tăng cường năng lực thể chế (cơ cấu lại tổ chức và hoạt động của các NHTMCP): Cơ cấu lại và đổi mới hệ thống quản trị ngân hàng phù hợp hơn các chuẩn mực của quốc tế; tăng tính minh bạch hóa hoạt động kinh doanh của ngân hàng thông qua công bố thông tin, niêm yết cổ phiếu các NHTMCP trên thị trường chứng khoán; tăng tính đại chúng; tăng số lượng các nhà đầu tư, cổ đông trong các đợt tăng vốn điều lệ của các NHTMCP.

Tăng quy mô và hiện đại hóa hoạt động kinh doanh: Các NHTMCP tại Việt Nam cần thực hiện các giải pháp đổi mới phương thức hoạt động nguồn vốn, sử dụng vốn, cải thiện hệ thống thanh toán và công nghệ ngân hàng; đồng thời cải thiện khả năng tài chính và chất lượng dư nợ của các NHTMCP, như: Tăng cường khả năng huy động và cải thiện cơ cấu nguồn vốn; Đa dạng hóa các hình thức cho vay và sử dụng vốn khác; Hiện đại hóa việc cung cấp các dịch vụ trung gian tài chính; Hình thành và phát triển ngân hàng số, ngân hàng công nghệ. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Berger, A. N. (1995), The relationship between capital and earnings in banking, *Journal of money, credit and Banking*, 27(2), 432-456.

2. Các ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam (2014-2023), *Báo cáo tài chính các năm đã kiểm toán, từ năm 2013 đến năm 2022*, truy cập từ website của các ngân hàng thương mại.

3. Lâm Chí Dũng, Võ Hoàng Diễm Trinh (2020), *Tác động của cấu trúc sở hữu đến khả năng sinh lợi của các ngân hàng thương mại Việt Nam*, truy cập từ <https://tapchinganhang.gov.vn/tac-dong-cua-cau-truc-so-huu-den-kha-nang-sinh-loi-cua-cac-ngan-hang-thuong-mai-viet-nam.htm>.

4. Musah, A. (2018), The Impact of Capital Structure on Profitability of Commercial Banks in Ghana, *Asian Journal of Economic Modelling*, 6(1), <https://doi.org/10.18488/journal.8.2018.61.21.36>.

5. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2021), *Thông tư số 27/2021/TT-NHNN, ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN, ngày 29/4/2004 và Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN, ngày 18/4/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*.

6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2014-2023), *Báo cáo thường niên các năm, từ năm 2013 đến năm 2022*, truy cập từ <https://www.sbv.gov.vn>.